

Số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2026

V/v: Ly hôn giữa bà Trang và ông Sơn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huê

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Khắc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

Hôm nay, ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 645/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Huyền T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi**. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Số D, Thôn A, xã H, tỉnh Lâm Đồng**. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ **Tại đơn khởi kiện đề** ngày 17/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Đỗ Thị Huyền T** trình bày: **Uyên Huy**:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Nguyễn Thanh S** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/3/2023 tại **UBND xã H, huyện D (nay là xã H), tỉnh Lâm Đồng**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà đã sống ly thân, không sống chung, không quan tâm nhau 02 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Bà và ông **S** không thể hàn gắn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **S**.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ông **Nguyễn Thanh S** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà **T** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn như bà **T** trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chỉ sống với nhau được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và từ đó đến nay vợ chồng ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Ngày 09/3/2026 Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà **Đỗ Thị Huyền T** khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông **Nguyễn Thanh S**, cư trú tại **xã H, tỉnh Lâm Đồng**. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà **Đỗ Thị Huyền T** và bị đơn ông **Nguyễn Thanh S** có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đỗ Thị Huyền T** và ông **Nguyễn Thanh S** kết hôn ngày 22/3/2023 tại **UBND xã H, huyện D (nay là xã H), tỉnh Lâm Đồng**, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Theo bà **T** và ông **S** mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không hợp nhau. Sau khi hết hôn vợ chồng sống chung 06 tháng thì ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà **T** và ông **S** đã mâu thuẫn trầm trọng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà **T** và ông **S** không thể khắc phục để hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** là có căn cứ và hợp pháp.

[3]. Về con chung: bà **T** và ông **S** khai không có con chung.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung, nợ riêng: Đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Đỗ Thị Huyền T** và ông **Nguyễn Thanh S.**

2. Về án phí: Bà **Đỗ Thị Huyền T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010469 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + VKSND KV 4;
- + THA tỉnh Lâm Đồng;
- + Các đương sự;
- + UBND xã Hòa Ninh, tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Qui